

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0671010 - Xác suất thống kê
Lớp :

STC : 4(60,0,0,0,0,0) Lần thi : 2
Năm học : 2013-2014 Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	3771010001	23/06/1994	1,00	,00	,30	CT
2	Ngô Thị	Thường	3771010009	10/10/1995	3,00	3,00	3,00	
3	Nguyễn Thị Xuân	Thùy	3771010084	31/12/1995	2,50	3,00	2,90	
4	Nguyễn Phú	Nghĩa	3771010088	22/12/1995	1,50	,00	,50	CT
5	Nguyễn Ngọc Phương	Trúc	3771010102	24/06/1995	1,50	,00	,50	CT
6	Hoàng Văn	Hưng	3771010112	09/05/1995	1,00	,00	,30	CT
7	Phạm Thị Kim	Diệu	3771010157	20/04/1995	3,00	6,00	5,10	
8	Trần Hoàng	Khoa	3771010246	12/12/1994	2,00	,00	,60	CT
9	Nguyễn Quang	Nghĩa	3771010327	19/08/1994	3,00	,50	1,30	
10	Phạm Thị	Thị	3771010335	10/09/1994	4,50	6,00	5,60	
11	Võ Thanh	Duy	3771010357	24/03/1995	2,50	,00	,80	
12	Giang Long Ngọc	Huy	3771010360	13/03/1995	,50	,00	,20	CT
13	Huỳnh Bảo	Hưng	3771010380	14/03/1995	1,00	,00	,30	CT
14	Đoàn Thị Bích	Diên	3771010383	02/01/1995	3,00	5,50	4,80	
15	Lê Quốc	Cường	3771010413	18/11/1994	1,00	,00	,30	CT
16	Dương Kim	Yến	3771010436	22/11/1994	,50	,00	,20	CT
17	Nguyễn Thị Xuân	Quỳnh	3771010438	27/10/1995	1,50	1,00	1,20	
18	Đỗ Thị Ly	Ly	3771010450	18/04/1995	2,50	4,50	3,90	
19	Bùi Thị	Lý	3771010478	19/07/1995	3,50	3,00	3,20	
20	Quan Quỳnh	Quyên	3771010490	07/10/1995	,00	,00	,00	CT
21	Huỳnh Thị Mỹ	Hiền	3771010500	10/08/1995	3,50	4,50	4,20	
22	Huỳnh Thị Bảo	Quyên	3771010514	18/03/1995	1,50	1,50	1,50	
23	Huỳnh Cao	Trí	3771010524	27/12/1995	1,50	,00	,50	CT
24	Hồ Nguyễn Trúc	Linh	3771010525	18/11/1995	1,50	,00	,50	
25	Dương Kiệt	Trí	3771010536	30/06/1994	2,00	3,00	2,70	
26	Đào Thị Kim	Thúy	3771011091	12/09/1995	1,00	,00	,30	CT
27	Trần Thị Như	Thế	3771011131	20/07/1995	1,50	,00	,50	CT
28	Võ Tấn	Trọng	3771011135	09/09/1995	2,50	1,00	1,50	
29	Nguyễn Chí	Lai	3771011247	14/06/1995	2,50	,00	,80	
30	Hứa Thị Tuyết	Sương	3771011267	24/06/1995	2,50	1,50	1,80	
31	Nguyễn Minh	Khang	3771011275	13/11/1995	3,00	,00	,90	
32	Trần Thị Bích	Phượng	3771011289	22/04/1995	3,00	4,00	3,70	
33	Trần Thị	Thiện	3771011337	23/04/1992	,50	,00	,20	CT
34	Phạm Phú	Chiến	3771011353	17/01/1991	1,00	,00	,30	CT
35	Trịnh Hoàng	Quân	3771011356	13/12/1992	1,00	,00	,30	CT

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Trần Thanh	Tuyết	3771011370	01/01/1994	,50	,00	,20	CT
37	Nguyễn Thị	Huế	3771011406	16/12/1995	1,00	,00	,30	
38	Trần Thị Thủy	Tiên	3771011416	29/09/1995	5,50	6,00	5,90	
39	Nguyễn Nhật	Duy	3771011429	16/01/1995	1,50	1,00	1,20	
40	Trần Hồng	An	3771011435	27/06/1995	,00	,00	,00	

Tổng số : **SV**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 04 năm 2014

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)